

TÁC ĐỘNG CỦA CHI TIÊU CHÍNH PHỦ ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Tiến sĩ Daniel J. Mitchell

Các nhà hoạch định chính sách bất đồng với nhau về việc liệu sự mở rộng của chính phủ sẽ giúp ích hay cản trở sự tăng trưởng kinh tế. Những người ủng hộ chính phủ lớn hơn lập luận rằng, các chương trình của chính phủ cung cấp "các hàng hóa công cộng có giá trị" như giáo dục và cơ sở hạ tầng. Họ cũng khẳng định rằng, sự gia tăng chi tiêu của chính phủ có thể đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế thông qua việc đưa tiền vào túi của công chúng.

Những người đề xuất chính phủ nhỏ hơn có quan điểm đối lập. Họ giải thích rằng, chính phủ quá lớn và chi tiêu cao hơn làm giảm sự tăng trưởng kinh tế bằng việc chuyển giao thêm các nguồn lực từ khu vực sản xuất của nền kinh tế đến chính phủ, sử dụng chúng một cách kém hiệu quả hơn. Họ cũng khuyến cáo rằng, việc mở rộng khu vực công cộng làm phức tạp thêm những nỗ lực nhằm thực hiện các chính sách ủng hộ tăng trưởng - như cải cách thuế và các tài khoản hưu trí cá nhân - do những người chỉ trích có thể sử dụng sự tồn tại của thâm hụt ngân sách như là một lý do để phản đối các chính sách củng cố nền kinh tế.

Vậy bên nào đúng?

Bài viết này đánh giá tác động của chi tiêu chính phủ đến kết quả hoạt động kinh tế. Bài viết thảo luận về những lập luận có tính chất lý thuyết, xem xét lại bằng chứng quốc tế, nhấn

mạnh nghiên cứu học thuật mới nhất, trích dẫn các ví dụ của các quốc gia đã giảm đáng kể mức chi tiêu của chính phủ với tư cách một phần sản lượng kinh tế của quốc gia, và phân tích những kết quả kinh tế của việc cải tổ đó.

Bài viết này kết luận rằng, một chính phủ lớn và ngày càng mở rộng không đem lại kết quả hoạt động kinh tế tốt hơn. Thực vậy, việc giảm quy mô của chính phủ sẽ dẫn đến thu nhập cao hơn và cải thiện tính cạnh tranh của Mỹ. Cũng có những nguyên nhân về mặt triết học ủng hộ quy mô chính phủ nhỏ hơn, song bài viết này không đề cập đến khía cạnh đó của cuộc thảo luận. Thay vào đó, bài viết đưa ra báo cáo về - và dựa trên - lý thuyết kinh tế và nghiên cứu thực tiễn.

Lý thuyết: Kinh tế học về Chi tiêu của Chính phủ

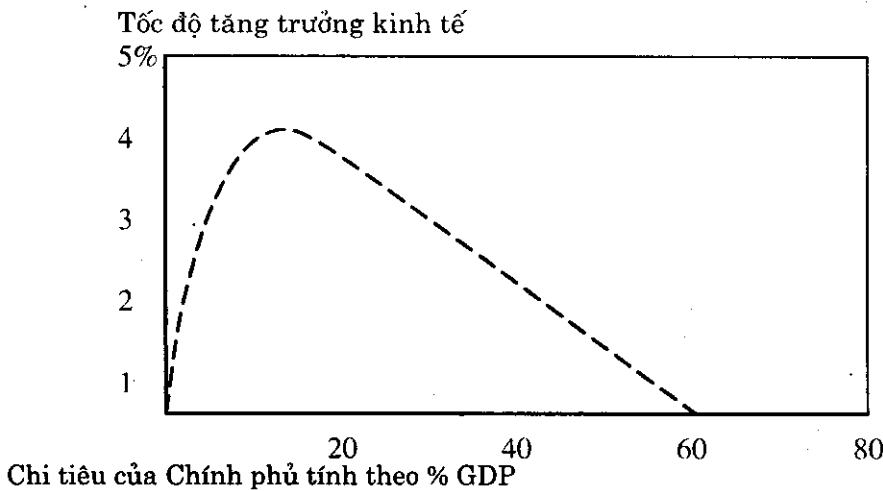
Lý thuyết kinh tế không tự đưa ra những kết luận thuyết phục về tác động của chi tiêu chính phủ đối với kết quả hoạt động kinh tế. Thực vậy, hầu như mọi nhà kinh tế đều đồng ý rằng, có những trường hợp mức chi tiêu của chính phủ thấp hơn sẽ đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế và trong những trường hợp khác, người ta sẽ mong muốn mức chi tiêu của chính phủ cao hơn.

Nếu chi tiêu của chính phủ bằng không, có thể thấy sự tăng trưởng kinh tế sẽ rất nhỏ do việc cưỡng chế

thực hiện hợp đồng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, và việc phát triển cơ sở hạ tầng sẽ rất khó khăn nếu không có chính phủ. Nói cách khác, một số khoản chi tiêu của chính phủ là cần thiết đối với sự thành công của việc thực thi luật. Đồ thị 1 minh họa cho điểm này. Hoạt động kinh tế rất ít

hay không tồn tại nếu không có chính phủ, song nó tăng mạnh khi các chức năng cơ bản của chính phủ được tài trợ. Điều này không có nghĩa là chi tiêu của chính phủ không tốn kém gì, song những lợi ích có giá trị còn lớn hơn so với chi phí.

Đồ thị 1 Đường cong Rahn: Nền kinh tế thụt lùi khi chính phủ mở rộng quá lớn



Nguồn: Peter Brimelow, "Tại sao Thâm hụt là Con số Sai lầm", *Forbes*, 15 tháng 3 năm 1993.

Chi phí so với lợi ích

Nói chung, các nhà kinh tế sẽ đồng ý rằng chi tiêu của chính phủ tại một điểm nào đó sẽ trở thành một gánh nặng, hoặc là do quy mô chính phủ trở nên quá lớn hoặc do chi phí phân bổ thiếu hợp lý. Trong những trường hợp như vậy, chi phí của chính phủ vượt quá lợi ích. Phân dốc xuống của đường cong ở Hình 1 có thể tồn tại vì một số nguyên nhân, bao gồm:

Chi phí khai thác. Chi tiêu của chính phủ đòi hỏi những sự lựa chọn tài chính tốn kém. Chính phủ liên bang không thể chi tiền mà trước đó không nhận tiền từ người nào đó. Tất cả những sự lựa chọn để tài trợ cho chi tiêu của chính phủ đều có những

hậu quả bất lợi. Thuế không khuyến khích hành vi sản xuất, cụ thể là trong hệ thống thuế của Mỹ hiện nay - với thuế suất cao đối với lao động, tiết kiệm, đầu tư và những hình thức khác của hành vi sản xuất. Việc vay mượn sử dụng vốn - nếu không sẽ dùng cho đầu tư của tư nhân, và trong những trường hợp cực đoan, có thể dẫn đến lãi suất cao hơn. Lạm phát làm giảm giá trị đồng tiền của một quốc gia, gây ra tình trạng méo mó về mặt kinh tế trên phạm vi rộng.

Chi phí thay thế. Chi tiêu của chính phủ thay thế cho hoạt động của khu vực tư nhân. Mỗi đôla mà chính phủ chi tiêu có nghĩa là khu vực sản xuất của nền kinh tế đã giảm đi một đôla. Nó làm giảm sự tăng trưởng bởi vì các

lực lượng kinh tế dẫn dắt sự phân bố các nguồn lực thống trị khi các chính trị gia và các quan chức quyết định chi tiêu như thế nào. Một số khoản chi tiêu của chính phủ, như duy trì một hệ thống luật pháp thực hiện tốt chức năng, có thể có "tỷ suất sinh lợi" cao. Tuy vậy, nói chung, các chính phủ không sử dụng các nguồn lực một cách có hiệu quả, dẫn đến sản lượng kinh tế thấp hơn.

Chi phí số nhân âm. Chi tiêu của chính phủ tài trợ cho sự can thiệp bất lợi. Một phần ngân sách của liên bang được sử dụng để tài trợ cho các hoạt động tạo ra một ảnh hưởng tiêu cực đối với hoạt động kinh tế. Chẳng hạn, nhiều cơ quan điều tiết luật có ngân sách tương đối nhỏ, song chúng đặt ra chi phí lớn đối với khu vực sản xuất của nền kinh tế. Các chi phí dành cho các tổ chức quốc tế là một ví dụ thuyết phục khác. Chi phí trực tiếp đối với những người đóng thuế là thành viên của các tổ chức như Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) không đáng kể so với sự phá hủy về mặt kinh tế có nguyên nhân từ các chính sách chống tăng trưởng mà các tổ chức đa quốc gia này ủng hộ.

Chi phí trợ cấp liên quan đến hành vi. Chi tiêu của chính phủ khuyến khích những lựa chọn có tính chất tiêu cực. Nhiều chương trình của chính phủ trợ cấp kinh tế cho các quyết định không mong muốn. Các chương trình phúc lợi khuyến khích công chúng lựa chọn thời gian rảnh rỗi ngoài công việc. Các chương trình bảo hiểm thất nghiệp tạo ra động cơ để con người tiếp tục không có việc làm. Các chương trình bảo hiểm lữ lạt khuyến khích việc xây dựng các công trình trong các khu vực có lữ lạt. Đây là tất cả những ví dụ về các chương

trình của chính phủ có tác động làm giảm bớt tốc độ tăng trưởng kinh tế và làm giảm sản lượng của quốc gia bởi vì chúng thúc đẩy sự phân bố thiếu hợp lý hay sử dụng bất hợp lý các nguồn lực.

Chi phí trừng phạt hành vi. Chi tiêu của chính phủ không khuyến khích sự lựa chọn sản xuất. Các chương trình của chính phủ thường không khuyến khích các quyết định đáng mong muốn về mặt kinh tế. Tiết kiệm có vai trò quan trọng nhằm giúp cung cấp vốn cho khoản đầu tư mới, tuy nhiên động cơ tiết kiệm đã bị mai một bởi các chương trình của chính phủ trợ cấp cho quỹ hưu trí, nhà ở, và giáo dục. Tại sao người ta nên dành dụm thu nhập nếu các chương trình tài trợ của chính phủ lại lớn đến vậy? Các chương trình chi tiêu khác của chính phủ - trợ cấp y tế là một ví dụ thuyết phục - tạo ra một tác động kinh tế tiêu cực do những nguyên tắc thích hợp khuyến khích các cá nhân giảm thu nhập của họ một cách giả tạo và phân bổ thiếu hợp lý tài sản của họ.

Chi phí bóp méo thị trường. Chi tiêu của chính phủ bóp méo sự phân bổ nguồn lực. Người mua và người bán trong các thị trường cạnh tranh quyết định giá trong một quá trình đảm bảo sự phân bổ nguồn lực một cách có hiệu quả nhất, song một số chương trình của chính phủ can thiệp vào các thị trường cạnh tranh. Trong cả lĩnh vực y tế và giáo dục, trợ cấp của chính phủ nhằm giảm bớt các chi phí không mất tiền đã tạo ra một vấn đề "bên thứ ba trả tiền". Khi các cá nhân sử dụng tiền của những người khác, họ trở nên ít quan tâm hơn đến giá cả. Điều này làm mai một vai trò có tính chất quyết định của các thị trường cạnh tranh, gây ra tính phi hiệu quả có ý nghĩa trong các khu vực như y tế và giáo dục. Các chương

trình của chính phủ cũng dẫn đến sự phân bổ thiếu hợp lý các nguồn lực bởi vì các cá nhân, các tổ chức, và các công ty sử dụng thời gian, năng lượng và tiền bạc nhằm tìm cách hoặc là đạt được những đặc ân của chính phủ hoặc tối thiểu hóa phần đóng góp của họ vào chi phí của chính phủ.

Chi phí phi hiệu quả. Chi tiêu của chính phủ là một cách kém hiệu quả hơn để phân phối các dịch vụ. Chính phủ trực tiếp cung cấp nhiều dịch vụ và các hoạt động như giáo dục, hàng không, và các hoạt động bưu điện. Tuy nhiên, có bằng chứng cho rằng khu vực tư nhân có thể cung cấp những dịch vụ quan trọng này với chất lượng cao hơn và chi phí thấp hơn. Trong một số trường hợp, như các dịch vụ hàng không và bưu điện, có thể có sự cải thiện do quá trình tư nhân hóa. Trong những trường hợp khác, như giáo dục, những lợi ích kinh tế sẽ có thể có được thông qua việc dịch chuyển đến một mô hình dựa trên cơ sở sự cạnh tranh và lựa chọn.

Chi phí đình trệ. Chi tiêu của chính phủ ngăn cản sự đổi mới. Do sự cạnh tranh và mong muốn tăng thu nhập và tài sản, các cá nhân và các chủ thể trong khu vực tư nhân liên tục tìm những sự lựa chọn và các cơ hội mới. Sự tăng trưởng kinh tế được củng cố mạnh mẽ bởi quá trình phát hiện "sự phá hủy có tính chất sáng tạo" này. Tuy nhiên, các chương trình của chính phủ vốn đã không linh hoạt, cả do chế độ tập trung và do chế độ quan liêu. Việc thu hẹp quy mô chính phủ - hay việc chuyển giao những chương trình của liên bang cho các bang và các cấp địa phương - có thể loại bỏ ảnh hưởng này.

Việc chi tiêu vào một chương trình của chính phủ, bộ, hay cơ quan có thể tạo ra nhiều hơn một trong các chi phí này. Ví dụ, tất cả các khoản chi tiêu của chính phủ vừa tạo ra các chi phí

khai thác và các chi phí thay thế. Điều này không hẳn có nghĩa là các chi phí - hoặc xét toàn bộ hoặc một chương trình cụ thể - sẽ phản tác dụng. Sự tính toán đó đòi hỏi một phân tích chi phí - lợi ích.

Liệu thâm hụt có phải là vấn đề lớn?

Cuộc tranh luận của Keynes. Kinh tế học về chi tiêu của chính phủ không bị giới hạn bởi phân tích chi phí - lợi ích. Đã có cuộc tranh luận liên quan đến Keynes. Vào những năm 1930, John Maynard Keynes lập luận rằng chi tiêu của chính phủ - cụ thể là sự gia tăng chi tiêu của chính phủ - đã đẩy mạnh sự tăng trưởng thông qua việc đưa sức mua tương đương vào nền kinh tế. Theo Keynes, chính phủ có thể chống lại sự suy thoái kinh tế bằng cách vay tiền của khu vực tư nhân thông qua các chương trình chi tiêu khác nhau.

Khái niệm "bơm tiền" (pump priming) này không hẳn có nghĩa là chính phủ nên có quy mô lớn. Thay vào đó, học thuyết Keynes khẳng định rằng chi tiêu của chính phủ - đặc biệt chi tiêu cho thâm hụt - có thể tạo ra tác nhân kích thích trong ngắn hạn nhằm giúp chấm dứt một giai đoạn suy thoái hay tình trạng đình trệ. Những người thuộc trường phái Keynes thậm chí lập luận rằng, các nhà hoạch định chính sách nên chuẩn bị cho việc giảm chi tiêu của chính phủ một khi nền kinh tế được phục hồi nhằm ngăn chặn lạm phát, điều mà họ tin sẽ có nguyên nhân từ sự tăng trưởng kinh tế quá mạnh. Họ thậm chí mặc nhiên công nhận rằng, có một sự đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp (Đường Phillips) và các quan chức chính phủ nên tăng, hoặc giảm chi tiêu của chính phủ, nhằm định hướng nền kinh tế giữa lạm phát quá cao hoặc thất nghiệp quá cao.

Kinh tế học Keynes có ảnh hưởng mạnh trong vài thập kỷ và chi phối chính sách công từ những năm 1930 đến những năm 1970. Từ sau đó học thuyết này không được đặc biệt ủng hộ, song nó vẫn có ảnh hưởng đến các cuộc thảo luận về chính sách, cụ thể là về việc liệu những thay đổi trong chi tiêu của chính phủ có những ảnh hưởng về mặt kinh tế có tính chất tạm thời hay không. Chẳng hạn, một số nhà lập pháp vận dụng phân tích của Keynes để lập luận rằng, mức chi tiêu của chính phủ cao hơn, hoặc thấp hơn sẽ kích thích hoặc, làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Lập luận của "Phái Điều hâu ủng hộ thâm hụt". Một vấn đề chính sách có liên quan khác là vai trò của thâm hụt ngân sách. Không giống những người thuộc trường phái Keynes - những người lập luận rằng, thâm hụt ngân sách đẩy mạnh sự tăng trưởng thông qua việc tăng sức mua tương đương vào nền kinh tế, một số nhà kinh tế lập luận rằng, thâm hụt ngân sách là xấu bởi vì chúng được coi là nguyên nhân dẫn đến lãi suất cao. Vì người ta tin rằng, lãi suất cao làm giảm đầu tư, vả bởi vì đầu tư là cần thiết đối với sự tăng trưởng dài hạn, những người đề xuất quan điểm này (đôi khi được gọi là "những người thuộc phái điều hâu ủng hộ thâm hụt") khẳng định rằng, việc tránh thâm hụt nên trở thành mục tiêu hàng đầu của chính sách tài khóa.

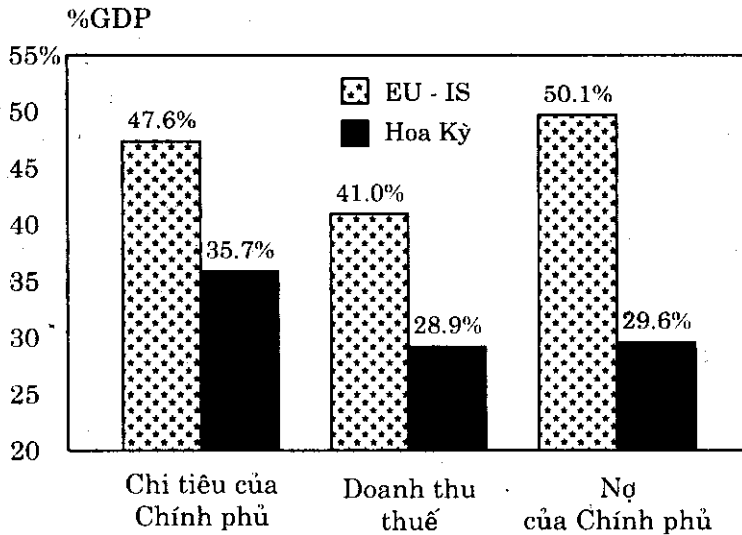
Trong khi những người thuộc phái điều hâu ủng hộ thâm hụt và những người thuộc trường phái Keynes có những quan điểm rất khác nhau về thâm hụt ngân sách, không có trường phái tư tưởng nào tập trung vào quy mô của chính phủ. Những người thuộc trường phái Keynes đôi khi ủng hộ quy mô chính phủ lớn hơn, song đã được thảo luận ở trên, họ không phản đối về mặt lý thuyết, đối với quy mô chính

phủ nhỏ miễn là nó có thể tăng lên một cách tạm thời nhằm khởi động một nền kinh tế ứ ải. Ngược lại, những người thuộc phái điều hâu ủng hộ thâm hụt đôi khi ủng hộ quy mô chính phủ nhỏ hơn song không có sự phản đối về mặt lý thuyết đối với quy mô chính phủ lớn miễn là nó được tài trợ bởi thuế chứ không phải vay mượn.

Phương pháp tiếp cận tới chính sách tài khóa của những người thuộc phái Điều hâu ủng hộ thâm hụt luôn đóng một vai trò quan trọng trong chính sách kinh tế, song chế độ chính trị đôi khi đóng một vai trò quan trọng trong việc vận dụng nó. Trong nhiều giai đoạn của kỷ nguyên sau Chiến tranh thế giới thứ hai, những người thuộc Đảng Cộng hòa than phiền về thâm hụt bởi vì họ không tán thành các chính sách chi tiêu của những người thuộc Đảng Dân chủ - những người kiểm soát nhiều đôn bầy quyền lực. Trong những năm gần đây, những người thuộc Đảng Dân chủ than phiền về thâm hụt bởi vì họ không tán thành các chính sách thuế của Đảng Cộng hòa - những người kiểm soát nhiều đôn bầy quyền lực. Có lẽ, nhiều người thực sự quan tâm đến tác động của thâm hụt, song các chính trị gia thường sử dụng vấn đề này như là một biểu hiện khi chống lại các chính sách thuế và chi tiêu ở Washington.

Bằng chứng: Chi tiêu của Chính phủ và Kết quả hoạt động Kinh tế

Lý thuyết kinh tế có ý nghĩa quan trọng trong việc đưa ra một khuôn khổ để hiểu được thế giới vận hành như thế nào, và còn là bằng chứng giúp cho việc quyết định lý thuyết kinh tế nào chính xác nhất. Phần này xem xét lại những so sánh trên quy mô toàn cầu và nghiên cứu học thuật để khẳng định liệu chi tiêu của chính phủ sẽ giúp ích, hay kìm hãm kết quả hoạt động kinh tế.

Đồ thị 2: Gánh nặng của Chính phủ Hoa Kỳ so với châu Âu

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, OECD với các con số, xuất bản năm 2004 (Paris: Các ấn phẩm của OECD, 2004).

Kinh nghiệm trên thế giới. Những so sánh giữa các quốc gia giúp cho việc minh họa tác động của chính sách công. Một trong những chỉ số tốt nhất là kết quả hoạt động kinh tế của Hoa Kỳ và châu Âu. Các quốc gia “châu Âu già cỗi” thuộc Liên minh châu Âu có xu hướng có quy mô chính phủ lớn hơn nhiều so với Hoa Kỳ. Mặc dù có một vài ngoại lệ, chẳng hạn như Ireland, nhiều chính phủ của châu Âu có phúc lợi cực lớn.

Theo minh họa ở Đồ thị 2, chi tiêu của Chính phủ chiếm gần một nửa sản lượng kinh tế của châu Âu - cao hơn 1/3 so với gánh nặng của chính phủ ở Hoa Kỳ. Không có gì đáng ngạc nhiên, một chính phủ có quy mô lớn sẽ đi liền với gánh nặng thuế cao hơn và nợ của chính phủ lớn hơn. Quy mô chính phủ lớn hơn cũng có mối liên hệ với kết quả hoạt động kinh tế dưới mức kỳ vọng. Sau đây là những so sánh đáng ngạc nhiên hơn:

Sản lượng kinh tế trên đầu người của Hoa Kỳ năm 2003 là 37.600 USD - cao hơn 40% so với mức bình quân 26.600 USD của 15 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế thực tế của Hoa Kỳ trong hơn 10 năm qua (tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 3,2%) lớn hơn 50% so với tốc độ tăng trưởng của 15 quốc gia châu Âu trong cùng thời kỳ.

Tỷ lệ thất nghiệp của Hoa Kỳ thấp hơn nhiều so với tỷ lệ thất nghiệp của 15 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu, và có một khoảng cách đáng ngạc nhiên về tỷ lệ phần trăm những người thất nghiệp - những người không có việc làm trong hơn 12 tháng - 11,8% ở Hoa Kỳ so với 41,9% ở 15 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu.

Mức sống của Liên minh châu Âu tương đương mức sống của các bang nghèo nhất nước Mỹ - gần bằng Arkansas và Montana và chỉ cao hơn một chút so với Tây Virginia và Mississippi, hai bang nghèo nhất.

Việc quy tất cả các vấn đề kinh tế của châu Âu cho sự chi tiêu quá mức sẽ là sai lầm. Nhiều biến số chính sách khác có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh tế. Chẳng hạn, các thị trường lao động được điều tiết quá nhiều có thể góp phần gây ra tỷ lệ thất nghiệp cao. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

thấp kém có thể là kết quả của thuế suất cao chứ không phải là do mức chi tiêu của chính phủ. Tuy nhiên, thậm chí với những dấu hiệu dự báo này, vẫn có một mối tương quan giữa quy mô chính phủ lớn hơn và kết quả hoạt động kinh tế giảm sút.

Nghiên cứu Học thuật. Thậm chí ở Hoa Kỳ, có một lý do đáng tin cậy để tin rằng, quy mô chính phủ ở đây quá lớn. Nghiên cứu học thuật chỉ ra rằng Mỹ nằm ở phần dốc xuống của đường Rahn - như hầu hết các quốc gia công nghiệp khác. Nói cách khác, các nhà hoạch định chính sách có thể nâng cao kết quả hoạt động kinh tế bằng cách giảm quy mô và phạm vi của chính phủ.

Tất nhiên bài nghiên cứu học thuật không đưa ra tất cả các câu trả lời. Việc tách biệt những ảnh hưởng chính xác của một loại chính sách của chính phủ - chẳng hạn chi tiêu của chính phủ - đối với toàn bộ kết quả hoạt động kinh tế có lẽ là không thể. Hơn nữa, mối quan hệ giữa chi tiêu của chính phủ và sự tăng trưởng kinh tế có lẽ phụ thuộc vào các yếu tố có thể thay đổi theo thời gian.

Một vấn đề phương pháp luận quan trọng khác bao gồm việc liệu mô hình này giả sử nền kinh tế đóng hay nền kinh tế cho phép các dòng chảy của vốn và lao động trên phạm vi quốc tế. Nó đo lường toàn bộ gánh nặng của chính phủ hay tổng các bộ phận thành phần? Đây là tất cả những câu hỏi có ý nghĩa quyết định, và câu trả lời giúp cho việc định hướng kết quả của những nghiên cứu khác nhau.

Nỗ lực trở nên phức tạp hơn do thách thức trong việc xác định tác động chính xác của chi tiêu chính phủ:

- Phải chăng chi tiêu sẽ kìm hãm kết quả hoạt động kinh tế do thuế được sử dụng để tài trợ cho chính phủ?

- Liệu sự phá hủy về mặt kinh tế có được giảm bớt nếu như chính phủ có một số nguồn thu tự do đầy ma lực?

- Các nhà nghiên cứu học thuật đo lường tác động kinh tế bất lợi của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ đối với chi tiêu cho hạ tầng cơ sở như thế nào?

- Phải chăng có một sự chênh lệch giữa chi tiêu cho quân sự và chi tiêu trong nước hay giữa giá trị mua và chuyển giao?

Không có câu trả lời "chính xác" cho những câu hỏi này, nhưng sự đồng thuận ngày càng tăng trong bài nghiên cứu học thuật rất có sức thuyết phục. Bất kể phương pháp luận hay mô hình nào, chi tiêu của chính phủ dường như có mối liên hệ với kết quả hoạt động kinh tế yếu kém hơn. Chẳng hạn:

- Một báo cáo của Ủy ban châu Âu thừa nhận: "Sự thống nhất về mặt ngân sách có một tác động tích cực đối với sản lượng trong hoạt động trung hạn nếu nó diễn ra dưới dạng sự giảm bớt chi tiêu chứ không phải là sự gia tăng thuế".

- IMF đồng ý: "Thuế này gây ra sự méo mó về hành vi kinh tế dẫn đến sự tổn thất về hiệu quả ròng đối với toàn bộ nền kinh tế, nhìn chung được đề cập đến với tư cách là "gánh nặng thuế quá mức", thậm chí nếu như chính phủ có liên quan chính xác đến các hoạt động này - và với cùng mức hiệu quả - vì khu vực tư nhân có doanh thu thuế tăng quá nhanh".

- Một bài báo của Tạp chí Kinh tế học Tiền tệ nhận thấy: "Chi tiêu của tư nhân giảm đáng kể do chi tiêu của chính phủ... Những thay đổi về lâu dài trong chi tiêu của chính phủ dẫn đến một ảnh hưởng tiêu cực đối với tài sản".

- Một nghiên cứu của Cục Dự trữ Liên bang cũng lưu ý: "Sự gia tăng chi tiêu của chính phủ gây sốc đối với sự

tăng trưởng kinh tế. Sự gia tăng chi tiêu của chính phủ hay thuế dẫn đến sự giảm sút liên tục về tốc độ tăng việc làm”.

- Một bài báo trên tạp chí Kinh tế Chính trị châu Âu nhận định: “Chúng tôi nhận thấy xu hướng dẫn tới tăng trưởng âm nếu có các khoản chi tiêu công cộng lớn”.

- Một nghiên cứu trong *Tạp chí Tài chính Công* báo cáo: “Tổng chi tiêu của chính phủ cao hơn, bất kể được tài trợ như thế nào, đều có mối liên hệ với một tốc độ tăng tổng sản phẩm trên đầu người thực tế của bang thấp hơn”.

- Một bài báo trong *Tạp chí Kinh tế học hàng quý* báo cáo: “Tỷ lệ chi tiêu cho tiêu dùng thực tế của chính phủ trên GDP thực tế có một mối liên hệ tỷ lệ nghịch với tăng trưởng và đầu tư”, và “Tốc độ tăng trưởng có quan hệ tỷ lệ nghịch với tỷ trọng tiêu dùng của chính phủ trong GDP, song ít có liên quan tới tỷ trọng đầu tư công cộng”.

- Một bài nghiên cứu trên *Tạp chí Kinh tế châu Âu* đưa ra báo cáo: “Những ảnh hưởng ước lượng được của GEXP [biến chi tiêu của chính phủ] cũng lớn hơn một chút, thể hiện rằng tỷ lệ chi tiêu tăng bằng 10% GDP có mối liên hệ với tốc độ tăng trưởng hàng năm thấp hơn 0,7 đến 0,8 phần trăm điểm”.

- Một nghiên cứu *Sự lựa chọn Công cộng* báo cáo: “Một mức tăng GTOT [tổng chi tiêu của chính phủ] bằng 10 phần trăm điểm sẽ làm giảm tốc độ tăng TFP [năng suất nhân tố tổng hợp] bằng 0,92% [mỗi năm]. Một mức tăng tương ứng của GC [chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ] sẽ thấp hơn tốc độ tăng TFP là 1,4% [mỗi năm].”

- Một bài báo trên *Tạp chí Kinh tế Phát triển* về lợi ích của các dòng vốn quốc tế nhận thấy rằng chi tiêu của chính phủ trong sản lượng kinh tế có mối liên hệ với sự tăng trưởng chậm hơn, với

các hệ số dao động từ 0,0602 đến 0,0945 trong 4 hàm hồi quy khác nhau.

- Một nghiên cứu của *Tạp chí Kinh tế vĩ mô* phát hiện thấy: “Hệ số của các số hạng có tính cộng trong biến số quy mô của chính phủ chỉ ra rằng sự gia tăng 1% quy mô của chính phủ làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế 0,143%.”

- Một bài nghiên cứu trên *Sự lựa chọn Công cộng* báo cáo: “Một mức tăng một phần trăm trong chi tiêu của chính phủ bằng một phần trăm GDP (chẳng hạn, từ 30 đến 31%) sẽ làm tăng tỷ lệ thất nghiệp xấp xỉ 0,36 trong 1% (chẳng hạn, từ 8 đến 8,36%).”

- Một bài nghiên cứu từ *Tạp chí Kinh tế học Tiền tệ* tuyên bố: “Chúng tôi cũng thấy một ảnh hưởng tỷ lệ nghịch rõ nét của sự gia tăng tiêu dùng của chính phủ là một phần của GDP. Hệ số -0,32 có ý nghĩa cao, và, thực sự, nó ngụ ý rằng một mức tăng độ lệch chuẩn trong sự tăng trưởng của chính phủ làm giảm tốc độ GDP bình quân 0,39% điểm.”

- Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế thừa nhận: “Thuế và chi tiêu của chính phủ có ảnh hưởng đến sự tăng trưởng cả trực tiếp và gián tiếp thông qua đầu tư. Một mức tăng áp lực thuế khoảng một phần trăm điểm - chẳng hạn 2/3 của những gì được quan sát vào thập kỷ qua theo mẫu OECD - có thể có mối liên hệ với một mức giảm sút trực tiếp khoảng 0,3% về sản lượng trên đầu người. Nếu ảnh hưởng đối với đầu tư được xem xét, toàn bộ mức suy giảm sẽ vào khoảng 0,6 đến 0,7 phần trăm.”

- Một tờ báo của Cơ quan Nghiên cứu Kinh tế Quốc gia tuyên bố: “Một sự gia tăng chi tiêu và thuế của chính phủ được tiên đoán là làm giảm tốc độ tốc độ tăng sản lượng 1,4 phần trăm điểm mỗi năm, một con số có thể so sánh về độ lớn với những kết quả từ các mô hình lý thuyết của một khu vực theo King và Robello.”

• Một tờ báo khác của Cơ quan Nghiên cứu Kinh tế Quốc gia tuyên bố: “Một mức suy giảm một phần trăm điểm của tỷ lệ chi tiêu ban đầu trên GDP dẫn đến một mức tăng đầu tư bằng 0,16 phần trăm điểm khi tác động qua lại, và một mức tăng lũy tích 0,50 sau hai năm và 0,8 phần trăm điểm trong GDP sau 5 năm. Ảnh hưởng này đặc biệt mạnh mẽ khi việc cắt giảm chi tiêu tác động đến tiền công của chính phủ: nhằm phản ứng với một sự cắt giảm trong dự luật tiền công của khu vực công cộng bằng 1% GDP, các con số ở trên lần lượt là 0,51; 1,83 và 2,77 phần trăm.

• Một bài viết của IMF khẳng định: “Tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 5 năm trước... cao hơn tại các quốc gia có quy mô chính phủ nhỏ trong cả hai giai đoạn. Tỷ lệ thất nghiệp, tỷ trọng trong nền kinh tế ngầm, và số bằng phát minh có đăng ký giấy phép chỉ ra rằng các chính phủ nhỏ thể hiện hiệu quả điều tiết cao hơn và có ít hơn trong một ảnh hưởng hạn chế đối với việc thực hiện chức năng của các thị trường lao động, sự tham gia vào nền kinh tế chính thức và tính sáng tạo của khu vực tư nhân.

• Hãy nhìn vào bằng chứng của Hoa Kỳ từ 1929-1986, một bài viết trong Sự Lựa chọn của Công cộng ước tính: “Phân tích này khẳng định giá trị của mô hình phía cung (supply-side) cổ điển và cho thấy rằng sự gia tăng năng suất cực đại xảy ra khi chi tiêu của chính phủ thể hiện khoảng 20% GDP”.

• Một bài viết trên tạp chí Điều tra Kinh tế báo cáo: “Quy mô chính phủ tối ưu là 23% (+/-2%) đối với một quốc gia trung bình. Tuy vậy, con số này che giấu những chênh lệch có ý nghĩa quan trọng giữa các khu vực: quy mô tối ưu ước lượng được dao động từ 14% (+/-4%) đối với quốc gia OECD trung bình... đến 16% (+/-6%) tại Bắc Mỹ”.

• Một nghiên cứu của Ngân hàng Dự trữ Liên bang Cleveland báo cáo: “Một sự mô phỏng, trong đó chi tiêu của chính phủ tăng về lâu dài từ 13,7 đến 22,1 phần trăm GNP (như đã diễn ra trong hơn bốn thập kỷ qua) đã dẫn đến một sự giảm sút sản lượng dài hạn 2,1%. Con số này là một ước lượng chuẩn về ảnh hưởng đối với sản lượng do chi tiêu của chính phủ cao hơn xét về lâu dài”.

Bảng 1: Sự thay đổi chi tiêu thực tế theo nhiệm kỳ Tổng thống

Tổng thống	Tổng chi tiêu	Tổng chi tiêu không bắt buộc	Chi tiêu phi quốc phòng không bắt buộc	Chi tiêu bắt buộc
Johnson	35,8%	33,4%	34,2%	47,15
Nixon	5,3%	-15,2%	22,5%	57,3%
Carter	17,2%	10,1%	7,6%	17,6%
Reagan, nhiệm kỳ 1	14,5%	8,3%	-9,7%	11,5%
Reagan, nhiệm kỳ 2	7,4%	7,0%	0,2%	5,0%
Bush (41)	7,8%	-3,4%	13,9%	20,7%
Clinton, nhiệm kỳ 1	4,2%	-8,0%	0,7%	11,7%
Clinton, nhiệm kỳ 2	8,1%	8,1%	14,4%	16,6%
Bush (43)	19,7%	30,2%	25,3%	20,8%

Nguồn: Veronique de Rugy, Tổng thống Reagan: “Vô địch về Cắt giảm Ngân sách”, Viện Kinh doanh Mỹ, ngày 9 tháng 6 năm 2004, tại www.aei.org/publications/filter_pub/d.20675/pub_detail.asp (ngày 3 tháng 2, 2005).

Những sự kiện thành công về kiểm soát chi tiêu

Cả lý thuyết kinh tế và bằng chứng thực tiễn đều chỉ ra rằng chính phủ nên nhỏ hơn. Tuy nhiên, phải chăng có thể chuyển các học thuyết kinh tế hay thành chính sách công? Thậm chí, mặc dù nhiều nhà hoạch định chính sách hiểu rằng, chi tiêu của chính phủ làm suy giảm kết quả hoạt động kinh tế, song một số người nghĩ rằng, các nhóm lợi ích đặc biệt có quá nhiều quyền lực chính trị và việc thu hẹp quy mô của chính phủ là một nhiệm vụ bất khả thi. Vì gánh nặng của chính phủ không ngừng tăng trong suốt kỷ nguyên sau Thế chiến thứ nhất, đây là một giả thiết hợp lý.

Hơn nữa, có một mối quan tâm là sự chuyển đổi tới chính phủ nhỏ hơn có thể có tác hại về mặt kinh tế. Nói cách khác, nền kinh tế có thể mạnh mẽ hơn trong hoạt động dài hạn nếu gánh nặng của chính phủ được giảm bớt, song những hậu quả ngắn hạn của việc giảm bớt chi tiêu có thể tạo ra một sự thay đổi không thể chối cãi như vậy. Phân tích của Keynes ngày nay ít được phổ biến hơn nhiều so với cách đây 30 năm, song nó vẫn là một phần của cuộc tranh luận.

Có những ví dụ của các quốc gia đã thành công trong việc giảm gánh nặng của chính phủ ở thời bình. Họ cho thấy rằng, có thể giảm chi tiêu của chính phủ - đôi khi là những khoản có giá trị lớn. Trong tất cả các ví dụ này, các nhà hoạch định chính sách đạt được thành công về chính trị và kinh tế. Chẳng hạn:

- **Ronald Reagan** đã đảo ngược một cách đầy ấn tượng xu hướng chính sách công ở Hoa Kỳ. Khi ông nhậm chức, chi tiêu của chính phủ - đặc biệt là chi tiêu trong nước - đang tăng nhanh. Được xác định là một phần trong sản lượng của quốc gia,

Tổng thống Reagan đã giảm chi tiêu không bắt buộc trong nước gần 33%, từ 4,5% GDP năm 1981 xuống còn 3,1% GDP năm 1989.

Kết quả hoạt động được ghi nhận của Reagan về các hoạt động phúc lợi cũng gây ấn tượng mạnh. Khi ông nhậm chức, chi tiêu cho phúc lợi đang nằm trên một đường cong dốc lên mạnh, đạt mức đỉnh cao tại 11,6% GDP năm 1983. Vào thời gian ông mãn nhiệm, chi tiêu cho phúc lợi chiếm 9,8% sản lượng kinh tế.

Do những cải thiện có ý nghĩa sâu sắc này, Reagan đã có thể giảm bớt tổng gánh nặng chi tiêu của chính phủ là một phần sản lượng kinh tế trong suốt nhiệm kỳ tổng thống của ông, trong khi vẫn tiến hành khôi phục sức mạnh quân sự của quốc gia.

Bảng 1 biểu diễn thành tích đầy ấn tượng của Reagan so với các tổng thống khác, được đo lường bằng tốc độ tăng chi tiêu thực tế của liên bang (được điều chỉnh theo lạm phát).

- **Bill Clinton** đã thành công một cách đáng ngạc nhiên trong việc kiểm soát gánh nặng của chính phủ, đặc biệt là trong suốt nhiệm kỳ đầu tiên của ông. Thành tích của ông thấp hơn nhiều so với thành tích của Ronald Reagan, và một số phiếu tín nhiệm có lẽ thuộc về các thành viên Đảng Cộng hòa trong Quốc hội, song Clinton đã cố gắng giữ chức tổng thống với thành tích chi tiêu tiết kiệm thứ hai so với bất cứ vị tổng thống nào vào kỷ nguyên sau Chiến tranh Thế giới thứ hai. Chi tiêu không bắt buộc trong nước giảm từ 3,4% GDP xuống còn 3,1% GDP, và chi tiêu cho phúc lợi giảm từ 10,8% GDP xuống còn 10,5% GDP.

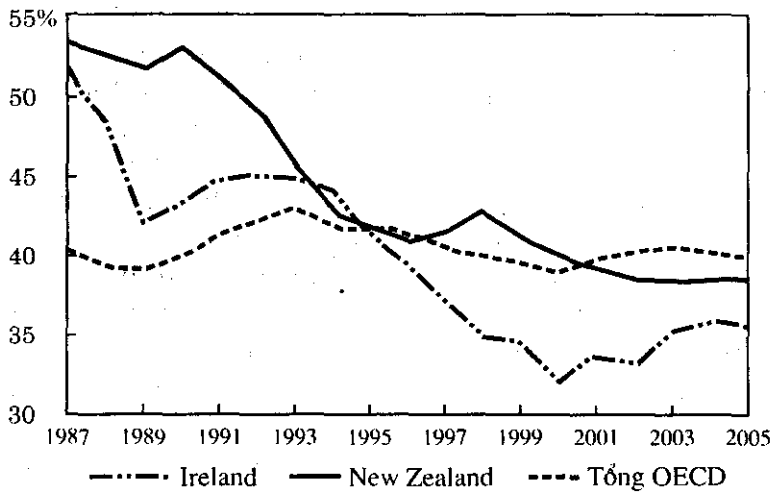
Đây là các mức cắt giảm khiêm tốn so với Ronald Reagan, và nhiều khoản trong đó đã mất đi trong nhiệm kỳ thứ hai của Clinton một

khi thặng dư ngân sách vật chất hóa và làm giảm ý nghĩa của nguyên tắc tài khóa. Tuy nhiên, khi kết hợp với sự tăng trưởng kinh tế hợp lý và “cổ tức hòa bình” trở nên khả thi do

thắng lợi của Tổng thống Reagan trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, tổng gánh nặng chi tiêu của liên bang giảm xuống thấp bằng 18,4% GDP năm 2000, mức thấp nhất kể từ 1966.

Đồ thị 3: Ireland và New Zealand phát triển nhờ giảm mạnh gánh nặng của chính phủ.

Chi tiêu của chính phủ tính theo %GDP



Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, “Phụ lục Bảng 25: Tổng chi phí chung của Chính phủ”, *Economic Outlook*, số 76, tháng 11 năm 2004, tại www.oecd.org/dataoecd/5/5/24838/6.xls (3 tháng 2 năm 2005).

• **Ireland** đã thay đổi sâu sắc chính sách tài khóa trong 20 năm qua. Trong những năm 1980, chi tiêu của chính phủ chiếm hơn 50% sản lượng kinh tế và tỷ suất thuế cao đã cản trở hành vi sản xuất. Điều này dẫn đến sự đình đốn kinh tế, và Ireland được biết đến với tư cách là “con người ốm yếu của châu Âu”. Tuy nhiên, chính phủ đã quyết định hành động. Như một nhà kinh tế đã giải thích “sau một thời kỳ đình đốn 13 năm với tốc độ tăng trưởng thấp hơn 2%, Ireland đã có một quá trình cắt giảm chi tiêu sâu sắc hơn, thủ tiêu các trung gian và hủy bỏ tỷ suất thuế và các quy định điều tiết”.

Sự thu hẹp quy mô của chính phủ đặc biệt gây ấn tượng mạnh mẽ. Một báo cáo của Ủy ban Liên kết Kinh tế

giả thích: “Tình trạng này đã được đảo ngược trong giai đoạn từ 1987-1996. Với tư cách một phần trong GDP, chi tiêu của chính phủ đã giảm từ mức 52,3 phần trăm của năm 1986 xuống còn 37,7 phần trăm vào năm 1996, giảm 14,6 phần trăm điểm. Theo minh họa của Đồ thị 3, Ireland đã có thể giữ cho chính phủ không quay trở lại xu hướng sai lầm. Có một chút thắc mắc là, một tác giả của tờ *Bưu điện Tài chính* đã viết rằng “khi quốc gia này thông qua các chính sách thương mại, thuế và giáo dục tự do, nguồn xuất khẩu lớn nhất của Ireland vẫn là con người. Giờ đây đó là Con hổ Celtic (Celtic Tiger)”.

• **New Zealand** có một thành tích ấn tượng trong quá trình cải tổ chính sách tài khóa. Chi tiêu của chính phủ đã

giảm mạnh từ trên 50% GDP xuống còn ít hơn 40% sản lượng kinh tế. Một cựu bộ trưởng của chính phủ khoe khoang một cách chính đáng:

Khi chúng ta bắt đầu quá trình này với Bộ Giao thông vận tải, cơ quan này có 5.600 lao động. Khi chúng ta kết thúc, nó có 53 lao động. Khi chúng ta bắt đầu với Sở Lâm nghiệp, nó có 17.000 lao động. Khi chúng ta kết thúc, nó có 17 lao động. Khi chúng ta áp dụng cho Bộ Lao động, nó có 28.000 người lao động. Tôi đã sử dụng 28.000 người lao động. Tôi đã từng là Bộ trưởng Bộ Lao động, và kết thúc với việc trở thành người lao động duy nhất... Chúng ta đã đạt được tổng mức suy giảm về quy mô của chính phủ là 66%, được đo bằng số người lao động”.

Điều đáng ngạc nhiên là New Zealand đã có thể đạt được quá nhiều

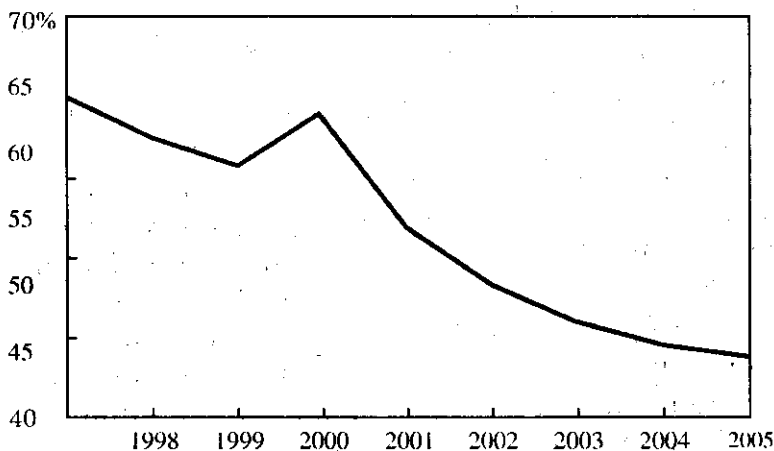
thành tích trong một khoảng thời gian ngắn như vậy. Trong nửa đầu của những năm 1990, “Chi tiêu thực tế trên đầu người giảm 12 phần trăm”. Sự cải tổ tài khóa này, kết hợp với các chính sách thị trường khác, đã giúp New Zealand phục hồi tình trạng đình đốn về kinh tế.

• **Slovakia** là một sự kiện thành công gần hơn, và gây ấn tượng sâu sắc nhất. Sau nhiều thập kỷ theo con đường xã hội chủ nghĩa, Slovakia đang trở thành Hong Kong của châu Âu. Với mức thuế đồng đều 19% và hệ thống an sinh xã hội của tư nhân, các nhà lãnh đạo Slovakia đã lập đồ thị một đường dốc xuống bao gồm các khoản giảm giá trị có ý nghĩa trong gánh nặng của chính phủ. Theo minh họa của Đồ thị 4, chi tiêu của chính phủ đã giảm mạnh trong đúng 7 năm từ 65% GDP xuống còn 43% GDP.

Đồ thị 4: Chính phủ nhỏ hơn dẫn đến một sự kiện thành công về kinh tế

Chi tiêu của Chính phủ tính theo % GDP

Chi tiêu của chính phủ bằng 1%GDP



Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, “Phụ lục Bảng 25: Tổng chi phí chung của Chính phủ”, *Economic Outlook*, số 76, tháng 11 năm 2004, tại www.oecd.org/dataoecd/5/5/24838/6.xls, (3 tháng 2 năm 2005).

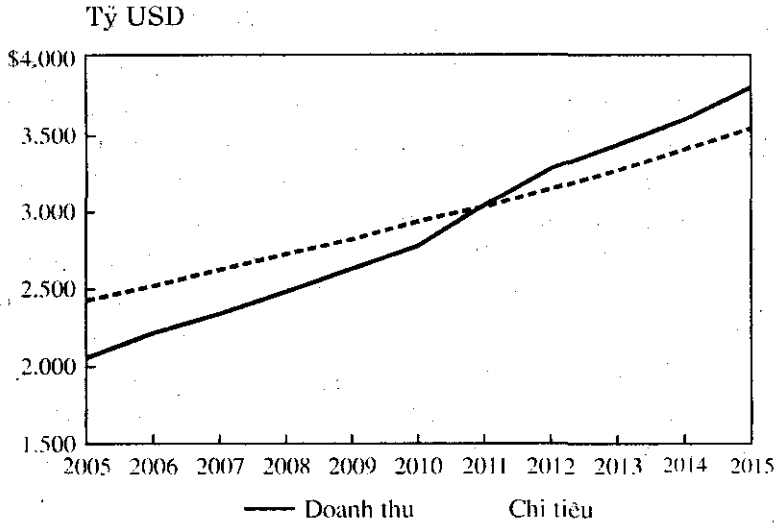
Các nhà hoạch định chính sách ở Hoa Kỳ nên tìm cách lặp lại những thành công này. Một chính phủ nhỏ hơn sẽ dẫn đến kết quả hoạt động

kinh tế tốt hơn, và đó cũng là cách ủng hộ tăng trưởng duy nhất để giải quyết vấn đề nhạy cảm về mặt chính trị của thâm hụt ngân sách.

Thậm chí một mức độ vừa phải của nguyên tắc có thể nhanh chóng tạo ra một ngân sách cân bằng. Theo minh họa ở Đồ thị 5, một tình trạng ổn định chi tiêu cân bằng ngân sách trong 4

đến 5 năm. Thậm chí nếu như chi tiêu được phép tăng khoảng 4% mỗi năm, thâm hụt ngân sách nhanh chóng giảm - thậm chí nếu như việc cắt giảm thuế của Bush được thực hiện về lâu dài.

Đồ thị 5: Cân bằng Ngân sách với tốc độ tăng chi tiêu 4%.



Nguồn: Văn phòng Ngân sách Quốc hội (CBO), *[[Dự án Ngân sách hiện nay của CBO]]*, 25 tháng 1 năm 2005, tại www.cbo.gov.cfm?index=1944&sequence=0#table1 (8 tháng 2 năm 2005).

Vấn đề Lựa chọn Chính sách Kinh tế khác

Quy mô chính phủ có một tác động lớn đến kết quả hoạt động kinh tế, song đó chỉ là một trong nhiều biến số quan trọng. Tạp chí *Chỉ số Tự do Kinh tế*, do Quỹ Heritage xuất bản hàng năm và *Tạp chí Wall Street*, khi xem xét một cách thận trọng các nhân tố có mối tương quan với sự thịnh vượng, nhận thấy rằng sự lựa chọn chính sách tiếp sau cũng có những ảnh hưởng quan trọng độc lập với mức chi tiêu của chính phủ:

Chính sách Thuế. Hệ thống thuế có một tác động rõ nét đối với kết quả hoạt động kinh tế. Chẳng hạn, gánh nặng thuế của liên bang ở Hoa Kỳ chiếm khoảng 17% GDP, thấp hơn tổng gánh nặng thuế ở Hong Kong. Tuy nhiên, vì Hong Kong có một mức

thuế đồng đều với tỷ lệ thấp, nhìn chung không gây bất lợi cho tiết kiệm và đầu tư, nó làm tăng doanh thu theo cách ít có ý nghĩa tiêu cực hơn nhiều. Tương tự, hệ thống thuế của Hoa Kỳ làm tăng mức doanh thu tương tự như diễn ra 25 năm trước đây, song các chi phí kinh tế có liên quan thấp hơn do thuế suất cận biên đã giảm đối với việc làm, tiết kiệm, đầu tư và kinh doanh.

Chính sách Tiền tệ. Cơ chế chính sách Tiền tệ sẽ hỗ trợ hoặc cản trở nền kinh tế của một quốc gia. Lạm phát có thể nhanh chóng phá hủy lòng tin về mặt kinh tế và làm tê liệt hoạt động đầu tư. Ngược lại, một hệ thống tiền tệ ổn định hơn có thể tạo lập một môi trường có lợi cho hoạt động kinh tế.

Chính sách Thương mại. Tình trạng mở cửa cho hoạt động thương

mại của một quốc gia có tác động mạnh mẽ tới sự thịnh vượng về mặt kinh tế. Các chính phủ ngăn cản hoạt động thương mại bằng những chính sách bảo hộ sẽ chồng chất thêm gánh nặng cho quốc gia của họ với chi phí cao và tính phi hiệu quả về kinh tế. Ngược lại, thương mại tự do sẽ cải thiện hiệu quả kinh tế và nâng cao mức sống.

Chính sách Điều tiết. Bộ máy hành chính công kênh và cơ chế quan liêu có một ảnh hưởng đáng kể đối với nền kinh tế của một đất nước. Các thị trường bãi bỏ các quy định khuyến khích sự phân bổ hiệu quả nguồn lực bởi các quyết định dựa trên cơ sở các yếu tố kinh tế. Ngược lại, sự điều tiết quá mức có thể dẫn đến chi phí cao một cách không cần thiết và hành vi phi hiệu quả.

Quyền sở hữu tư nhân. Độc lập với mức chi tiêu của chính phủ, sự hiện diện của các quyền sở hữu tư nhân đóng một vai trò quyết định đối với kết quả hoạt động kinh tế. Nếu chính phủ sở hữu hay kiểm soát các nguồn lực, các lực lượng chính trị có nhiều khả năng sẽ chi phối các lực lượng kinh tế trong việc quyết định các nguồn lực đó được phân bổ như thế nào. Tương tự, nếu quyền sở hữu tư nhân không được đảm bảo cả bởi truyền thống và pháp luật, các chủ sở hữu sẽ ít có khả năng sử dụng hiệu quả các nguồn lực hơn. Nói cách khác, với bất kỳ mức chi tiêu cụ thể nào của chính phủ, sự bảo đảm các quyền sở hữu của tư nhân sẽ có một ảnh hưởng mạnh mẽ đối với kết quả hoạt động kinh tế.

Năm yếu tố này tất nhiên không phải là một danh sách toàn diện. Các yếu tố khác quyết định kết quả hoạt động kinh tế của một quốc gia bao gồm mức độ tham nhũng, tình trạng mở cửa của các thị trường vốn, tính

cạnh tranh của hệ thống tài chính, và tính chất linh hoạt của giá cả. *Chỉ số Tự do Kinh tế 2005* bao gồm một sự phân tích đầy đủ về vai trò của tất cả các yếu tố này trong việc đẩy mạnh sự tăng trưởng kinh tế.

Kết luận

Chi tiêu của chính phủ nên được giảm mạnh. Nó đã tăng quá nhanh trong những năm gần đây, và hầu hết các khoản chi tiêu mới là vì các mục đích khác ngoài an ninh nội địa và quốc phòng. Được kết hợp với các chi phí phúc lợi ngày càng tăng - có liên quan đến việc nghỉ hưu đồng loạt của thế hệ những người sinh ra vào thời kỳ bùng nổ dân số, Mỹ dẫn đầu trong xu hướng sai lầm này. Để tránh trở thành một nhà nước có tình trạng phúc lợi theo phong cách của châu Âu không mang tính cạnh tranh như Pháp hay Đức, Hoa Kỳ phải thông qua một chính sách tài khóa có trách nhiệm dựa trên cơ sở một chính phủ nhỏ hơn.

Sự ràng buộc về ngân sách nên được coi là một cơ hội để tạo nên hiệu quả kinh tế ngoài điều kiện cần về mặt tài khóa. Được chỉ ra một cách đơn giản, hầu hết chi tiêu của chính phủ đều có tác động kinh tế tiêu cực. Để chắc chắn, nếu chính phủ chi tiền theo cách có hiệu quả - tạo ra tỷ suất sinh lợi đủ cao, nền kinh tế sẽ có lợi, song đây là trường hợp ngoại lệ chứ không phải là quy luật. Nếu tỷ suất sinh lợi thấp hơn của khu vực tư nhân - có thể nói là phổ biến hơn nhiều - thì tốc độ tăng trưởng sẽ chậm hơn so với các trường hợp khác. Có bằng chứng rõ nét cho thấy rằng chi tiêu của chính phủ quá cao và nền kinh tế Mỹ có thể tăng trưởng nhanh hơn nhiều nếu gánh nặng của chính phủ giảm bớt.

Thâm hụt không phải là biến số có tính chất quyết định. Biến số quan trọng nhất là quy mô của chính phủ, chứ không phải là chính phủ được tài trợ như thế nào. Cả thuế và thâm hụt đều có tác hại, song vấn đề thực tế là chính phủ đang lấy tiền từ khu vực tư nhân và chi tiêu theo những cách thường phản hiệu quả. Yêu cầu giảm chi tiêu sẽ vẫn tồn tại - và thực sự thôi thúc - nếu chính phủ liên bang có thặng dư ngân sách. Chính sách tài khóa nên tập trung vào việc giảm mức chi tiêu của chính phủ, đặc biệt nhấn mạnh vào các chương trình đạt được lợi ích thấp nhất và/ hoặc đặt ra chi phí cao nhất.

Việc kiểm soát chi tiêu của liên bang đặc biệt quan trọng do quá trình toàn cầu hóa. Ngày nay, việc làm và vốn ngày càng trở nên dễ dàng di chuyển từ một quốc gia đến một quốc gia khác. Điều này có nghĩa là phần thưởng cho chính sách tốt lớn hơn nhiều so với trước đây, song nó cũng có nghĩa là sự trừng phạt đối với chính sách tồi lớn hơn nhiều so với trước đây.

Điều này có thể là nguyên nhân dễ lạc quan. Một bài nghiên cứu được công bố bởi IMF - tất nhiên không phải là một thể chế thị trường tự do, đã nêu rõ:

Khi nền kinh tế trở nên có tính cạnh tranh cao hơn, và khi vốn và lao động trở nên lưu động hơn, các quốc gia có quy mô chính phủ lớn và đặc biệt là không hiệu quả có nguy cơ tụt lại phía sau xét về tăng trưởng và phúc lợi xã hội. Khi các cử tri và các ngành nhận ra những lợi ích lâu dài

của việc cải tổ trong một môi trường như vậy, họ và những người đại diện của họ có thể thúc đẩy chính phủ tiến hành cải tổ. Trong những trường hợp như vậy, các nhà hoạch định chính sách nhận thấy dễ dàng vượt qua sự kháng cự của các nhóm lợi ích đặc biệt hơn.

Trong gần như toàn bộ quá trình lịch sử của Mỹ, tổng gánh nặng của chính phủ thấp hơn 10% GDP. Mức này của chính phủ phù hợp với niềm tin của những người sáng lập nước Mỹ. Như IMF đã giải thích, "các nhà kinh tế học cổ điển và các nhà lý luận chính trị nói chung đều ủng hộ nhà nước có quy mô tối thiểu - họ nhận thấy vai trò của chính phủ bị giới hạn bởi quốc phòng, hệ thống cảnh sát, và bộ máy quản lý hành chính". Chính sách của chính phủ bị giới hạn ở Mỹ tất nhiên có lợi cho sự mở rộng về mặt kinh tế. Trong thời gian trước thuế thu nhập và quy mô chính phủ quá lớn, Mỹ đã chuyển từ tình trạng nghèo đói về nông nghiệp đến sự thịnh vượng của tầng lớp trung lưu.

Việc giảm quy mô chính phủ xuống 10% GDP có thể là một mục tiêu rất khả quan, trong việc thu hẹp quy mô chính phủ cần phải là một mục tiêu chủ yếu đối với các nhà hoạch định chính sách. Tất nhiên nền kinh tế sẽ vận hành tốt hơn, và điều này sẽ đẩy mạnh sự thịnh vượng và làm cho nước Mỹ có tính cạnh tranh cao hơn ■

*Người dịch: Lê Văn Nga
Viện nghiên cứu Châu Mỹ*

Nguồn: Reference Update 3/2005, article 3.